

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/SUNTOCO/2025



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH SUNTOCO

Địa chỉ: 198 QL55, Xã Hàm Tân, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0977718304

Fax:

E-mail: suntoco.com@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 3401211395

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Giấy chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP Codex (TCVN 5603:2023 – Ref CXC 1-1969, revised 2020) số 1672412251NH3

Ngày Cấp: 24/12/2025

Nơi cấp: CÔNG TY TNHH ĐÁNH GIÁ – CHỨNG NHẬN BEST GLOBAL

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TRÀ SÂM AN

2. Thành phần: Dây hồng sâm (Chè Dây), Cò Ngọt, Hoa Bát Tiên (Hoa Nhài)

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng gói trong túi nhựa PE kín được hàn miệng túi đảm bảo vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói: 200g, 350g, 500g hoặc theo yêu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở sản xuất:

- Sản xuất tại: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG SỐ 01 – CÔNG TY TNHH SUNTOCO**

- Địa chỉ: Số 49/27 Đường TL41, Phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.

Quyết định số 24/2019/TT-BYT ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.

QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Lâm Đồng, ngày.... tháng.... năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



LƯƠNG CÔNG THÀNH

MẪU NHÃN DỰ KIẾN SẢN PHẨM

1.1. Thông tin dinh dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Giá trị dinh dưỡng trong 100g

% Giá trị hàng ngày*		
Năng lượng	113 Kcal	
Chất đạm	9.63g	
Carbohydrat	15.5g	5%
Chất béo	1.42g	3%
Natri	9.1mg	0%

Lưu ý: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc. Sản phẩm không phải là thuốc và không có công dụng thay thế thuốc chữa bệnh. Phụ nữ có thai và cho con bú không nên sử dụng.

CÁCH DÙNG

Tráng trà rồi dùng từ 10–20g pha với ~1000ml nước sôi, hãm 5–7 phút, làm thức uống hằng ngày.

THÀNH PHẦN

Dây Hồng Sâm (Chè Dây),
Có Ngọt, Hoa Bát Tiên
(Hoa Nhài).

Sản xuất và chịu trách nhiệm bởi:
CÔNG TY TNHH SUNTOCO
Số 198 QL55, Xã Hàm Tân, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

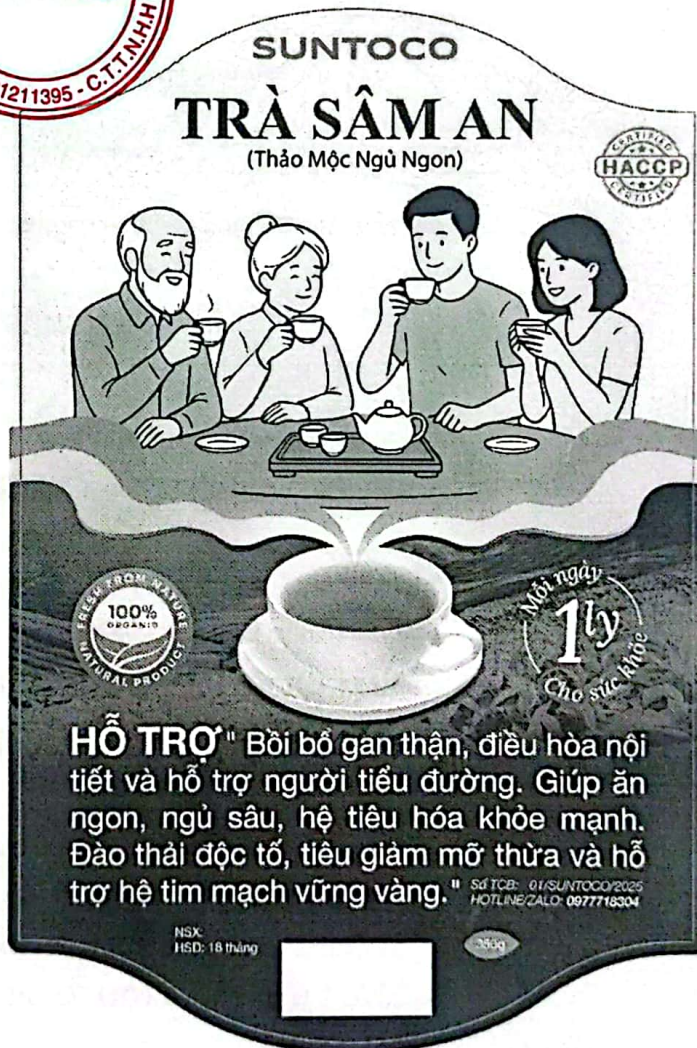
Sản xuất tại:
ĐKKD CƠ SỞ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG SỐ 01
Số 49/27 Đường TL41, P. An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tiêu chuẩn sản xuất:
HACCP Codex
TCVN 5603:2023 - Ref CXC 1-1969, revised 2020

Lưu ý: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc. Sản phẩm không phải là thuốc và không có công dụng thay thế thuốc chữa bệnh. Phụ nữ có thai và cho con bú không nên sử dụng.

Sản xuất và chịu trách nhiệm bởi:
CÔNG TY TNHH SUNTOCO
 Số 198 QL55, Xã Hám Tân, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
 Sản xuất tại:
ĐDKD CƠ SỞ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG SỐ 01
 Số 49/27 Đường TL41, P. An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 Tiêu chuẩn sản xuất:
HACCP Codex
 TCVN 5603:2023 - Ref CXC 1-1969, revised 2020

1.2. Mẫu nhãn dự kiến



Số/ No: 43743.2512/KQ-VTT
 Mã số/ Code: KH.16015 2511
 Mã số mẫu/ Sample code: PTN.39696 2511
 Trang/ Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT



Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH SUNTOCO
 Địa chỉ/ Address : 198 QL55, Xã Hàm Tân, Tỉnh Lâm Đồng
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 26/11/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 26/11-02/12/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 17/12/2025
 Loại mẫu/ Kind of sample : Thực phẩm Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 350 g x 1 gói
 Tên mẫu/ Name of sample : TRÀ SÂM AN (Thảo mộc ngũ ngon)
 Tình trạng mẫu / State of sample : Đóng gói kín, có nhãn mác

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Năng lượng	TCVN 7088:2015	113	kcal/100g
2.	Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	SOP.01-445:2022 (Ref. AOAC 986.25)	15,5	g/100g
3.	Béo tổng (*)	SOP.01-194:2021 (Ref. FAO FOOD 14/7, page 214)	1,42	g/100g
4.	Protein (*)	TCVN 10034:2013 (ISO 1871: 2009)	9,63	g/100g
5.	Natri (Na) (*)	SOP.01-173:2020 (Ref. AOAC 969.23)	9,10	mg/100g
6.	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
7.	Arsen (As) (*)	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg
8.	Aflatoxin (B1,B2,G1,G2) (*)	SOP.01-362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/kg
9.	Aflatoxin B1 (*)	SOP.01-362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,2)	µg/kg
10.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013/ Amd1:2022)	4,9x10 ³	CFU/g
11.	Tổng số nấm men nấm mốc (*)	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	2,4x10 ³	CFU/g
12.	Coliforms (*)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	< 10	CFU/g

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

 No. Document: QTCL-13/BM02
 Version: 11
 Date of issue: 15/07/2025

 SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
 MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 43743.2512/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.16015 2511

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.39696 2511

Trang/ Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT



STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
13.	<i>Escherichia coli</i> (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g
14.	<i>Bacillus cereus</i> (*)	AOAC 980.31	< 10	CFU/g
15.	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	< 10	CFU/g

Ghi chú/ Notes: Bảng kết quả này được thay thế cho bảng kết quả số: 41098.2512/KQ-VTT, ngày 03/12/2025

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**



ThS. Huỳnh Ngọc Trương



**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



ThS. Nguyễn Văn Tâm

314042
CÔNG
TY
PHÂN TÍCH KI
VIỆT
TÍN - TP

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 11

Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**

Số/ No: 43743.2512/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.16015 2511
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.39696 2511
Trang/ Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Giá trị dinh dưỡng tính trong 100g

	% Giá trị hàng ngày*	
Năng lượng	113 Kcal	
Chất đạm	9.63g	
Carbohydrat	15.5g	5%
Chất béo	1.42g	3%
Natri	9.1mg	0%

* Giá trị hàng ngày (%) cho biết một chất dinh dưỡng trong khẩu phần thực phẩm đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày. 2.000 Kcal mỗi ngày được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị dinh dưỡng chung.



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 11
Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn

ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG SỐ 01 - CÔNG TY TNHH SUNTOCO

Địa chỉ: Số 49/27 Đường TL41, Phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đã được đánh giá và tìm thấy sự phù hợp theo yêu cầu của hệ thống
phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn

HACCP Codex

(TCVN 5603:2023 - Ref CXC 1-1969, revised 2020)

Phạm vi chứng nhận

Xay và Đóng gói trà, trà túi lọc

Ngày cấp giấy chứng nhận: 19/01/2026

Số giấy chứng nhận: 1331901261NH3

Ngày hiệu lực: 19/01/2026

Ngày hết hiệu lực: 18/01/2029

Để kiểm tra tính hiệu lực của giấy chứng nhận, vui lòng liên hệ số điện thoại: 02822039686 hoặc quét mã QR Code

Giám đốc



Dấu chứng nhận



QR Code



Giấy chứng nhận này sẽ mất hiệu lực trước thời hạn nếu khách hàng không đánh giá và/hoặc không vượt qua
cuộc đánh giá giám sát định kỳ hàng năm bởi BEST GLOBAL CERTIFICATION - ASSESSMENT COMPANY LIMITED